

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỐNG NHẤT  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HS-ST

Ngày: 21-12-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thùy Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đức Bằng

Bà Lê Thị Chúc Ngân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Quách Thị Khuyến là Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 30/2022/TLST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 31/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

**Hà Văn S**, sinh năm 1992, tại An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp K1, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn G (1968) và bà Trần Thị H (1971); bị cáo là con út trong gia đình có hai chị em và chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 26/3/2015, bị Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 08 (Tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo bản án số 97/2015/HS-ST, chấp hành xong ngày 30/6/2015; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/8/2022 đến ngày 26/8/2022 bị tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thống Nhất. (Có mặt)

**- Bị hại:** Chị Nguyễn Thị Kiều B sinh năm 1982

Nơi cư trú: Số B, ấp P, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

**- Người làm chứng:**

Anh Nguyễn Thế G1 sinh năm 1985

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 2T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình.

Nơi cư trú: Khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

(Vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào chiều ngày 17/8/2022, Hà Văn S đi xe buýt từ huyện Đ đến huyện T, khi đi ngang qua địa bàn xã Q, huyện T, trên Quốc Lộ 20 Sang phát hiện bên phải đường có một xe mô tô honda Wave, biển số 60B2-505.46 để trong sân quán cà phê “Ngân Hà” do chị Nguyễn Thị Kiều B làm chủ thuộc ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai, quán chưa hoạt động và không có người trong coi. Sang xuống xe buýt đi bộ vào quán lén lút lấy trộm chiếc xe trên và điều khiển xe đi về phòng trọ của S tại xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai rồi tiếp tục đưa xe mô tô trên đến thành phố T, tỉnh Bình Dương để tiêu thụ.

S liên lạc với Nguyễn Thế G1 và hẹn gặp ở quán cà phê “Quốc Anh” thuộc phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương để bán xe mô tô vừa trộm được với giá 5.000.000đ (Năm triệu đồng), nhưng do xe không có giấy tờ nên G1 không đồng ý mua. S để lại xe mô tô ở quán cà phê “Quốc Anh” rồi nhờ G1 chở ra đón xe về lại phòng trọ ở huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

S khai nhận đã bán xe mô tô biển số 60B2-505.46 cho Nguyễn Thế G1 với giá thỏa thuận là 5.000.000đ (Năm triệu đồng), G1 giao cho S số tiền mặt là 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng), còn lại số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) S yêu cầu G1 chuyển khoản để trả nợ cho người bạn tên N. Tuy nhiên, quá trình khám xét nơi ở của G1 không thu giữ được vật chứng và G1 không thừa nhận việc mua xe của S, ngoài ra không có chứng cứ chứng minh việc G tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý hành vi của Nguyễn Thế G1.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 963/KL-HĐĐGTS ngày 25/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T xác định: Một xe mô tô hiệu HONDA, loại Wave A, màu trắng đen bạc, bánh cãm, số khung: 3902HY147343, số máy JA39E0147384, dung tích Xilanh 109cm<sup>3</sup>, đã qua sử dụng, đăng ký lần đầu từ năm 2017 trị giá 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Tại Cáo trạng số 92/CT-VKS-TN ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố Hà Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo S từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm tù. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, án phí hình sự sơ thẩm và xử lý vật chứng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Hà Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tham gia tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác khẳng định khai báo tự nguyện, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Bị hại - chị Nguyễn Thị Kiều B và người làm chứng - anh Nguyễn Thế G1 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa (chị B có đơn xin xét xử vắng mặt; anh G1 vắng mặt không rõ lý do). Căn cứ Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về tội danh và khung hình phạt:* Tại phiên tòa, bị cáo Hà Văn S khai nhận hành vi phạm tội do mình thực hiện như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng, Kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Xuất phát từ động cơ vụ lợi, muốn có tiền tiêu xài để thỏa mãn nhu cầu cá nhân nhưng lại không có nghề nghiệp ổn định, lười lao động nên vào khoảng 14 giờ ngày 17/8/2022 Hà Văn S đã có hành vi lén lút, đột nhập vào quán cà phê “Ngân Hà” thuộc ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai lấy trộm một xe mô tô honda Wave, biển số 60B2-505.46 trị giá 10.000.000đ (Mười triệu đồng) của chị Nguyễn Thị Kiều B. Như vậy, hành vi của Hà Văn S thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự: “... trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Do đó, Cáo trạng số 92/CT-VKS.TN ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố Hà Văn S về tội danh và khung hình phạt như đã nêu trên là đúng người, đúng tội và không oan sai cho bị cáo.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi của bị cáo:* Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi của bị cáo làm ảnh hưởng lớn đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Lẽ ra là thanh niên, bị cáo phải nỗ lực phấn đấu, tu dưỡng bản thân, lao động để tạo ra của cải vật chất, giúp đỡ gia đình và xã hội

nhưng do lười lao động bị cáo lại đi vào con đường phạm tội. Do đó cần phải có mức án tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả hành vi của bị cáo gây ra, nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân sống có ích cho xã hội và biết tuân thủ pháp luật, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung.

[4] *Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:*

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự nhưng bản thân bị cáo đã từng bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”, mặc dù đã được xóa án tích nhưng lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật hạn chế nên xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, là căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] *Về quyết định hình phạt:* Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để bị cáo suy nghĩ về hành vi phạm tội của mình, tự giác cải tạo, học tập, lao động trở thành công dân sống lương thiện, có ích cho xã hội và biết tuân thủ pháp luật.

[6] *Về hình phạt bổ sung:* Căn cứ tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Xét thấy, bị cáo không có tài sản và thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] *Về trách nhiệm dân sự:* Quá trình điều tra, bị hại đã nhận số tiền 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm nghìn đồng); trong đó có 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) là số tiền còn lại sau khi bị cáo bán chiếc xe và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) là tiền của bị cáo. Nay bị hại chỉ yêu cầu bị cáo có nghĩa vụ bồi thường số tiền là 7.200.000đ (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng). Xét yêu cầu của bị hại là có căn cứ nên cần buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền này là phù hợp.

[8] *Về vật chứng vụ án:*

- Một bảng số xe mô tô biển số 60Z2-7411 và một ba ga là tài sản do S và đồng bọn trộm cắp tại huyện TB, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã thông báo và chuyển vật chứng đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TB xử lý theo quy định.

- Một xe mô tô biển số 60B2-505.46 của chị Nguyễn Thị Kiều B, sau khi lấy trộm bị cáo đã đưa xe đến quán cà phê “Quốc Anh” ở thành phố T, tỉnh Bình Dương sau đó S về lại huyện Đ, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định truy tìm vật nhưng đến nay vẫn chưa thu giữ được.

- Một ba ga xe mô tô 60B2-505.46 là tài sản của chị Nguyễn Thị Kiều B, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất đã trả lại cho B (theo Quyết định xử lý vật chứng số 04/QĐ-CSĐT và Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu cùng ngày 10/10/2022) là phù hợp.

- Một điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 proxmax, màu xanh; một điện thoại nhãn hiệu Nokia màu xanh; một căn cước công dân số 044085002216 mang tên Nguyễn Thế G1 và số tiền 8.800.000đ (Tám triệu tám trăm nghìn đồng) là tài sản của anh G1 không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất đã trả lại cho chủ sở hữu (*theo Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu cùng ngày 19/8/2022*) là có cơ sở.

- Một điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh và một điện thoại di động HTC màu đen là công cụ bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội (liên lạc để tiêu thụ tài sản trộm cắp) và một đồng hồ đeo tay bị cáo sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Một đôi dép màu xám, một áo thun tay ngắn và một dây thắt lưng bằng da bị cáo sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội, đồ vật không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

**[9] Các vấn đề khác:**

- Đối với Nguyễn Thế G1, quá trình khám xét nơi ở của G1 không thu giữ được vật chứng và G1 không thừa nhận việc mua xe của bị cáo; ngoài ra không có chứng cứ chứng minh việc G1 tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý hành vi của Nguyễn Thế G1.

- Đối với Nguyễn Hoàng Q là chủ tài khoản số 0346726039 nhận chuyển khoản số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) từ tài khoản của chị Đinh Thị Cẩm L (vợ anh Nguyễn Thế G1). Theo lời khai của bị cáo, đã nhờ anh G1 chuyển số tiền trên để trả nợ cho chị N (không xác định được nhân thân, địa chỉ). Qua xác minh, hiện đối tượng Q không có ở địa phương, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau.

[10] Xét ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phần tội danh, điều khoản truy tố, hình phạt, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng là có căn cứ và phù hợp với các tình tiết của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên chấp nhận.

[11] *Về án phí*: Bị cáo là người bị kết án và có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bị hại nên bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[12] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 46; Điều 47; Điều 48; Điều 50 và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;
- Điều 106; khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;
- Điều 584; Điều 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Hà Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

**Xử phạt** bị cáo Hà Văn S 01 (Một) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/8/2022.

## **2. Về trách nhiệm dân sự:**

Buộc bị cáo Hà Văn S có nghĩa vụ bồi thường cho chị Nguyễn Thị Kiều B số tiền là 7.200.000đ (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

## **3. Về vật chứng vụ án:**

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước một điện thoại di động Nokia, màu xanh; một điện thoại di động HTC, màu đen và một đồng hồ đeo tay; Tịch thu tiêu hủy một đôi dép màu xám, một áo thun tay ngắn và một dây thắt lưng bằng da (Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an huyện Thống Nhất và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất ngày 07 tháng 11 năm 2022).

**4. Về án phí:** Buộc bị cáo Hà Văn S phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 360.000đ (Ba trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

## **5. Về quyền kháng cáo:**

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

## **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CCTHADS huyện Thống Nhất;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Thùy Trang**